

III. MỘT PHẬT THUYẾT PHÁP

1. Mời nơi thuyết pháp

Lúc bấy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ lúc mới hiện thân thế giới Liên hoa Đài tạng, từ Đông phương đến Vương cung cõi trời này nói kinh, giáo hóa chúng trời, rồi Ngài giáng sanh cõi Diêm Phù Đề, nước Ca Tỳ La.

Mẹ Ngài là Hoàng hậu Ma Da, Cha tên Bạch Tịnh, Ngài tên Tất Đạt, 7 tuổi xuất gia, 30 tuổi thành đạo, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, ở nơi Tịch diệt đạo tràng, ngôi tòa Hoa Quang Vương, cho đến Vương cung cõi trời Ma Hê Thủ La, trong thời gian đó, lần lượt nói pháp, cả thầy mời nơi.

Giải thích:

Trước nói về ngàn Phật, ngàn trăm ức Thích Ca nói pháp trong trăm ngàn ức thế giới, nay nói về một thế giới, một đức Phật Thích Ca giáng sanh, nói rõ quốc độ, tên họ cha mẹ, xuất gia tu đạo thành Phật, tóm tắt đại lược về việc lợi sanh.

Đông phương, nghĩa là thế giới có một mặt trời, một mặt trăng này ở phía Đông trong thế giới Hoa tạng, nên kinh Anh Lạc chép: “Trong một pháp giới, có quả báo của một cõi. “Đối với tất cả pháp hữu vi, hoặc phàm hoặc thánh, nếu thấy mà chấp đắm, hoặc pháp như pháp quả, cũng không ngoài pháp giới. Chỉ có riêng Phật là người sống ngoài pháp giới, sau lại trở vào pháp giới tạng, chỉ rõ thiện, ác, tốt, xấu, vô lượng quả báo sai khác cho những chúng sanh vô minh sâu dày.

Cung Thiên Vương, là nơi tất cả Phật xuất thế. Đầu tiên Phật ở cõi trời Đâu Suất Thiên cung để giáo hóa các Thiên tử ở cõi này, xong Ngài giáng sanh xuống cõi Nam Diêm Phù Đề.

Ma Thọ hóa, nghĩa là theo các kinh điển Phật nói trời Đâu suất không có ma, các Thiên tử cõi trời thường tu pháp môn Hỷ túc định nên không có ma ở cõi này. Vương cung cõi trời Ma Hê Thủ La ở Tứ Thiên thiên là chót đỉnh cõi sắc giới. Tứ Thiên có 9 cõi trời, 5 cõi trời trên gọi là “Ngũ bất hoàn thiên” - thuộc cõi sắc giới, đây đều là chỗ ở của các vị Thánh nhơn đã chứng A Na Hàm, là quả thứ ba trong tứ quả Thanh văn Nhị thừa. Trên đỉnh cõi sắc giới có cung điện Tỳ Lô Giá Na, các vị đại Bồ Tát thường tập hợp trên đó nên không có ma. Phật ở trong cung điện Ma vương, nơi cõi trời Tha Hóa nói pháp, khiến cho ma được thọ hóa rồi, mới đến cõi trời Đâu Suất, hoặc ma tự đến cõi trời Đâu Suất thọ hóa.

Trong Tập Chú ghi: “Đâu Suất thiên còn ở trong dục giới, trong bảy cõi trời Phạm Thế, vì Phật thường ở trong đạo pháp, nên cung Ma thường bao hàm hết trong đó. Lúc Thế Tôn ở cung trời Đâu Suất, Ngài có tên là Bồ Tát Hộ Minh.

Nước *Ca Di La*, Trung Hoa dịch là Xích Trạch; hay *Ca Tỳ La*, Trung Hoa dịch là Huỳnh Sắc, nghĩa là từ xa xưa có vị tiên tóc vàng tu đạo ở đây, nên lấy đó đặt tên. Đây thuộc địa phận Thiên Trúc. Thiên Trúc gồm có 12 nước, Ca Di La chính là trong địa phận Nam Thiệm Bộ Châu. Tiếng Phạn Ma Ha Ma Da, Trung Hoa dịch là Đại Huyền, cũng gọi là Đại Trí Mẫu, nghĩa là Bồ Tát thành tựu Đại nguyện Trí huyễn giải thoát môn, dùng Đại Huyền Thuật, thường làm mẹ chư Phật. Ngày 8 tháng 7 âm lịch, Hộ Minh Bồ Tát từ cung trời Đâu Suất cỡi Đại bạch tượng vương vào hông phải bà mẹ mà thụ thai. Căn trí Đại thừa thấy Bồ Tát nương lâu các chiên đàn, trụ trong thai mẹ. Phụ vương tên *Duyệt Đàn Đầu*, Trung Hoa dịch là Tịnh Phạn, nay gọi là Bạch Phạn – tuy hai nghĩa nhưng ý chỉ là một.

Tát Đạt, Trung Hoa dịch là Đốn Kiết, nghĩa là Phật đản sanh, ngày mùng 8 tháng 4, các điềm lành kiết tường, liền thời xuất hiện. Còn dịch là Nhứt Thiết Nghĩa Thành, đây là tên chữ của Phật khi còn tuổi nhỏ. Bảy tuổi, Ngài xuất gia. Các kinh đều nói 19 tuổi hoặc 24 tuổi, nay nói 7 tuổi hoặc 24 tuổi xuất gia. Đầu tiên Ngài đến tham vấn các vị tiên nhơn, biết chỗ sở đắc của họ là chẳng phải chánh đạo. Thật ra, ngay từ

khi Bồ Tát mới 7 tuổi, ở nơi vườn ngự uyển, ngồi dưới gốc cây Diêm phù, Ngài tu đạo ly dục tịch tĩnh rồi, một năm trôi qua, vì muốn hàng phục các hàng ngoại đạo, thị hiện tu tập 6 năm khổ hạnh cộng thành 7 năm, thế nên nói 7 tuổi xuất gia, 30 tuổi thành đạo. Có kinh nói 19 tuổi, nửa đêm ngày 15 tháng 2, Ngài cưới ngựa Kiên trắc vượt thành xuất gia, 6 năm tu hành khổ hạnh, 5 năm đi du hóa, 30 tuổi thành đạo.

Đây tất cả đều do Như Lai tùy cơ ứng hóa, chẳng phải trí hiểu biết của phàm phu, Nhị thừa có thể lường được, hoặc là đương thời các nhà phiên dịch tạm ước định thế thôi. Người xưa thận trọng, họ không dám sửa đổi.

Thích Ca, Trung Hoa dịch là Năng Nhơn – là họ. *Mâu Ni*, Trung Hoa dịch là Tịch Mặc – là tên. Từ Phật xa xưa đã thọ ký cho Ngài được Thánh hiệu này, cũng nói thưở xa xưa Như Lai làm người thợ gốm cúng dường Cổ Phật Thích Ca, tự phát thệ nguyện, nguyện đồng danh hiệu như đức Phật kia.

Tịch diệt Đạo tràng, chính là dưới cội cây này thành đạo giác ngộ, tòa này là chỗ chứng Đại Tịch diệt đạo Niết Bàn, hoặc nói Tịch ngữ trụ thiền nào, dứt hai thứ sanh tử (phân đoạn và biến dịch) là nơi đắc đạo.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ngồi nơi tòa này, rõ suốt tất cả pháp rồi thành bậc tối chánh giác.” Nhưng pháp thân thì vốn không thành, vượt ra ngoài chướng ngại gọi là thành, báo thân tứ trí tròn sáng là thành, hóa thân tám tướng ngồi dưới gốc cây Bồ đề là thành. Nên nói: “Thích ứng với vật nên gọi là thành thân, tùy nghi đặt tên.”

2. Nhơn duyên khởi giáo

Khi ấy Phật quán xem màn lưới báu của các trời Đại Phạm Thiên Vương, nhân đó nói vô lượng thế giới cũng như lỗ lưới, mỗi mỗi thế giới, đều khác nhau không đồng, có vô lượng sai khác, pháp môn của Phật cũng lại như thế.

Giải thích:

Đại phạm Thiên Vương, nghĩa là ba ngàn Đại Thiên thế giới, có muôn ức Đại Phạm Thiên Vương. Đại ở đây, chẳng phải Đại Phạm Thiên Vương trong cõi trời sơ thiên, mà là Đại Tự Tại Phạm vương ở cõi trời Tứ Thiên.

Xét trong phẩm trước, thì có vô lượng Đại Phạm Thiên Vương. Đây tổng nêu các trời Phạm Vương trong thế giới đến nhóm họp nhiều như vi trần.

Mành lưới báu, nghĩa là nhiều muôn mặt lưới, lớp lớp trùng trùng, vô lượng sai khác, mà ánh sáng hạt châu chiếu rọi vào nhau, không ngăn ngại nhau. Chư Phật tùy cơ thuyết giáo, cũng đều sai khác vô lượng, nhưng không hề bị ngăn ngại.

3. *Giáng sanh không phải một*

Nay Ta đã đến thế giới Ta Bà này tám ngàn lần, ngồi trên tòa Kim cương Hoa quang, cho đến Vương cung cõi trời Ma Hê Thủ La, vì tất cả đại chúng trong đây nói sơ lược Tâm địa pháp môn.

Giải thích:

Pháp thân Như Lai, nghĩa là thể của pháp thân vắng lặng như hư không, vốn đã lìa tướng năng và sở, động tịnh, sanh diệt, qua lại. Nên kinh Đại Bát Niết Bàn chép: “Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ”, nghĩa là pháp thân Như Lai không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Nay nói *tám ngàn lần*, chính là đại dụng của Như Lai, dùng Bi trí lợi sanh mà thôi.

Kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “Như Lai vốn không có thân, vì chúng sanh nên Ngài thị hiện thân kia.” Pháp thân thì vô sanh mà không chỗ nào là không có, có tất cả tướng. Pháp thân và Hóa thân không có dị thể, do cơ cảm của chúng sanh, thì thấy Phật cũng xuất thế, khi duyên

hết thì thấy Phật nhập diệt. Như áng mây che mặt trời, kẻ ngu muội liền cho Phật diệt độ. Khi mây tan mặt trời hiện, lại bảo rằng Phật xuất hiện. Chúng sanh cũng vậy, nghiệp chướng nặng không thấy được mặt trời trí tuệ, nghiệp nhẹ thấy được Phật xuất hiện nơi đời, chỉ do cơ cảm của chúng sanh chứ Phật không hề có đến đi. Xuất thế hay diệt độ đều vì lợi ích chúng sanh mà thôi. Nên Kinh Niết Bàn chép: “Chư Phật Như Lai vì muốn khiến cho chúng sanh sanh tâm ham mộ, nên xuất hiện nơi đời, muốn khiến cho chúng sanh sanh tâm ngưỡng mộ và luyến tiếc, nên thị hiện nhập Niết bàn.” Theo các kinh khác, trăm ngàn chỉ là số lớn của tục ngữ mà thôi. Như kinh Niết Bàn chép: “Ta tuy ở cõi Diêm Phù Đề, thường thường thị hiện nhập Niết bàn, nhưng thật ra ta đâu thực nhập Niết bàn.” Như Lai tánh thực ra không diệt, thế nên phải biết đây là pháp thường trụ, pháp không thay đổi. Đại Niết Bàn tức là pháp giới của Phật Như Lai. Chúng sanh cho rằng Ta mới thành Phật, nhưng thật ra trong vô lượng kiếp việc làm đã xong vì tùy thuận pháp thế gian, nên Ta thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, xuất gia cho đến thành đạo.”

Kinh Pháp Hoa chép: “Thực ra Ta đã thành Phật từ vô lượng, vô biên, vô số kiếp đến nay. Trăm ngàn muôn ức Na Do Tha kiếp, Ta thường ở cõi Ta Bà này, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh khắp mọi nơi, cả trăm ngàn Na Do Tha A Tăng Kỳ, cõi nước, dẫn dắt chúng sanh, thọ mạng của Ta cũng vô lượng A Tăng Kỳ kiếp thường trụ bất diệt, chẳng phải thực diệt độ, nhưng Ta nói: Sẽ diệt độ” đó là Như Lai dùng phương tiện để giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: Như Lai đã thành Phật từ lâu xa, sao không tự hiện thân thuyết pháp mà lại giáng sanh vào Vương cung Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Da để xuất gia tu đạo?

Đáp: Nếu không làm vậy, kẻ phàm phu vô trí sẽ nghi Phật là hóa nhơn, hoặc cho rằng người không có cha mẹ, vợ con, tông tộc, mới có thể đắc đạo; còn phàm phu làm sao đắc đạo, nên không chịu tu tập noi theo, đây chính là diêu dụng mà *Như Lai thị hiện*, phương tiện độ sanh.

Ta Bà, Trung Hoa dịch là Năng Nhẫn, cũng gọi là Kham Nhẫn, nghĩa là chúng sanh ở thế giới này hay kham nhẫn, chấp nhận chịu khổ tam độc (tham, sân, si) và các khổ phiền não mà không sanh tâm nhàm lìa để cầu giải thoát.

Cho đến, nghĩa là mười nơi thuyết pháp này, trước là tòa kim cang, sau cùng là cung Thiên vương, ngoài ra còn 8 nơi khác ở hết trong đó.

Trước nói Thiên Quang Vương tòa, nay nói Hoa Quang Vương tòa, vì từ ngàn Phật cũng đều xuất phát từ Hoa Quang tam muội mà ngồi tòa này. Đại địa chấn động, mà tòa này nghiêm nhiên bất biến, chính là tiêu biểu thực tướng Tâm địa giới thể, cũng như chất kim cang, hay phá trừ được tất cả phiền não mà không bị phiền não làm dao động.

Vì tất cả đại chúng trong đây, nghĩa là đại chúng thập trụ xứ, lược nói trăm ngàn hằng hà sa pháp môn trong tâm địa, như chùng đầu sợi lông rồi sau mới vì hàng địa thượng phàm phu mà nói, văn sau sẽ nêu rõ.

4. Nói giới cho phàm phu

Phật từ cung Thiên Vương, cho đến Nam Diêm Phù Đề, dưới cội Bồ Đề, vì tất cả chúng sanh, kể phàm phu si ám, nói Tâm địa Phật Lô Xá Na. Người sơ phát tâm nên đọc tụng Kim cang Quang minh Bảo giới này, là bốn nguyên của tất cả Phật, tất cả Bồ Tát, là Phật tánh chủng tử của tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả ý thức, sắc tâm là tình, là tâm đều ở trong Phật tánh giới, thường có chánh nhân, thường có pháp thân thường trú.

Giải thích:

Trước vì Đại chúng Bồ Tát mà nói, nay vì hàng phàm phu trước quả vị Thập địa mà nói. *Si* là không biết chánh pháp, vọng sanh tà kiến, *Ám* là vô minh phiền não, che lấp tâm địa.

Như Lai vì lòng từ bi thương xót hạng người này nên tám ngàn lần qua lại cõi Ta Bà để truyền nói chánh giới của Phật Lô Xá Na. Ba đời Chư Phật đều thọ chánh giới này trước để làm chánh nhơn thành Phật, nên nói trong khi mới phát tâm thường nên đọc tụng giới này.

Giới chính là Kim cang Quang Minh Bảo Giới, là 10 giới trọng, 48 giới khinh. *Quang minh* nghĩa là ánh sáng của giới này hay phá trừ nhà si ám, vô trí vô minh.

Báu của Kim cang, nghĩa là thể chất của giới này chắc như kim cang hay phá hoại tất cả mọi vật mà không bị các vật phá hoại nó, dụ đây là chánh giới, hay xô dẹp được tất cả phiền não, núi kiêu mạn tà kiến, lại hay phát sanh vô lượng pháp tài công đức, nên gọi là *báu*. Tất cả chư Phật Bồ Tát đều lấy giới này làm hột giống Phật tánh bản nguyên.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nghĩa là ở Thánh, tánh này không thêm và ở phàm, tánh này cũng không giảm. Nên Kinh chép: “Tất cả chúng sanh xưa nay đã thành Phật, chỉ vì một niệm bất giác ban đầu rời khởi lên vô minh vọng động, thành ra tối tăm si ám, tự mình làm chướng, nên Phật khiến cho thọ chánh giới này để khai thông. Chướng kia đã trừ thì Phật tánh tự hiện.”

Ý thức sắc tâm, nghĩa là một thể nhứt chơn pháp giới, do không giữ được thể chơn như, nên mới có tên là *Tâm, Ý, Thức*. Tên gọi tuy có ba, mà thể của nó vốn không hai

Ý thức, chính là tên khác của tâm, nghĩa là phàm phu vọng động bỗng nhiên tập khởi gọi là *Tâm*, tiếp theo tâm suy lường gọi là *Ý*, sau sanh niệm phân biệt gọi là *Thức*.

Sắc là sắc chất, chính là sắc thân tứ đại.

Tình và tâm này đều thể nhập trong Phật tánh giới, nghĩa là *Tình*, là tên khác của ý thức, chính là phát minh thấy rõ tất cả sắc tâm của chúng sanh đều có Phật tánh, ngoài tâm này ra không có Phật tánh nào nữa cả.

Các pháp cũng như thế, chỉ có một thể, nên nói A Lại Da Thức, chính là Như Lai tạng là thể.

Đương đương, nghĩa là hành giả lãnh thọ giới này, tu hành như pháp, đó là chánh nhân quyết định thành Phật, có chánh nhơn này rồi, quyết định hằng trụ cực quả thanh tịnh pháp thân.

Ví như vàng đã ra khỏi quặng không bao giờ trở lại quặng nữa, nên nói là Thường.

Trong Kinh Tâm Địa Quán có bài kệ rằng:

*Chúng sanh vốn có Bồ Đề chủng
Đều nằm trong thức A Lại Da
Nếu gặp bạn tốt phát đại tâm
Dùi mài ba chủng tu diệu hạnh
Dứt sạch phiền não sở tri chướng
Chúng đắc Như Lai thường trụ thân.*

Mười Ba-la-đề-mộc-xoa này xuất hiện nơi đời. Giới pháp này tất cả chúng sanh trong ba đời đều lãnh thọ phụng trì.

Giải thích:

Ba-la-đề-mộc-xoa, Trung Hoa dịch là Bảo giải thoát, nghĩa là hay giữ gìn chúng sanh khiến cho họ chắc chắn được giải thoát khỏi vô minh phiền não, mà chúng đắc pháp thân thanh tịnh.

Mười giới, tức là 10 giới trọng, ở nhơn năng trì gọi là *Ba-la-di*, ở quả sở đắc gọi là *Ba-la-đề-mộc-xoa*. Nay trước nêu giới trọng, là tổng nhiếp cả giới khinh.

Xuất hiện ở đời, nghĩa là tâm địa giới pháp này ở đời khó gặp, Như Lai xuất thế nay mới nêu ra. Giới pháp này chẳng phải giới pháp của Nhị thừa mà chính là đại giới tâm địa của chánh nhân thành Phật, nên phải

đề đầu lãnh thọ, tôn trọng giữ gìn, không được quên lãng dù trong phút chốc.

Nay ta vì đại chúng này, nói lại phẩm Vô tận Tạng giới, là tất cả giới của chúng sanh, là bốn nguyên tự tánh thanh tịnh.

Giải thích:

Nói lại, nghĩa là trước nói rồi, sau nói lại, hoặc vì chúng trời, người, Bồ Tát, nay vì hàng phàm phu, nên nói là *Trùng thuyết*.

Phẩm Vô Tận Tạng giới, nghĩa là giới phẩm này, tuy nói rằng mười giới mà thực ra đã bao la không cùng tận. Giới pháp của Bồ Tát, đầy đủ vô lượng pháp môn. Giới là bốn nguyên tự tánh thanh tịnh của tất cả chúng sanh, nghĩa là giới pháp này, trước ngàn Phật đã truyền nói, sau là giúp khắp cho tất cả căn cơ, tăng tục, trời người, đều vâng lãnh thọ trì, tất cả quý thân súc sanh đều lãnh thọ được, vì chúng sanh và Phật cùng bản tánh thanh tịnh. Chư Phật đã trở về nguồn tánh này, còn ở chúng sanh thì cần phải có giới mới có thể trở về cội nguồn. Tánh của cội nguồn vốn thanh tịnh, chẳng phải ngoài cội nguồn mà có tánh nào khác, mà cũng chẳng có thanh tịnh nào khác.